

Bản án số: 99/2023/DS-ST
Ngày: 28-07-2023
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Đoàn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Anh Tuấn.

2/ Bà Đoàn Thị Mai Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2023/TLST - DS ngày 31 tháng 03 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 417/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 07 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: CT TC TNHH HD S.

Địa chỉ: Lầu 8, 9, 10 TN G, số 24C PDL, Phường A, Quận BT, Thành phố HCM.

Người đại diện hợp pháp: Ông ĐTP, sinh năm 1995 “có mặt”.

(Giấy ủy quyền số 230418-CCO ngày 18/04/2023).

Bị đơn: Bà PTT, sinh năm 1967 “vắng mặt”.

Địa chỉ: 148/7 TĐ, Phường A, Quận X, Thành phố HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 26/02/2020, bà PTT có ký đơn đề nghị cấp tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử số 2W016637007 với CT TC TNHH HD S để vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích vay là mua xe gắn máy nhãn hiệu Honda Vario, biển số 59C3-117.78, số khung 5114KK487007, số máy JM51E-1486671. Căn cứ thu nhập của bà PTT, CT TC TNHH HD S đã

đồng ý duyệt cấp vốn. Cùng ngày 26/02/2020, CT TC TNHH HD S và bà PTT ký kết Hợp đồng tín dụng số 2W016637007 với nội dung như sau: Khoản cấp vốn: 40.000.000 đồng; thời hạn vay là 24 tháng; lãi suất thực tế hàng tháng là 2,42%. Phương thức thanh toán như sau: 23 tháng đầu mỗi tháng thanh toán 2.394.642 đồng, riêng tháng cuối cùng thanh toán 2.250.633 đồng. Kỳ thanh toán đầu tiên vào ngày 25/03/2020 và kỳ thanh toán cuối cùng là ngày 25/02/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà PTT đã thanh toán tổng cộng 9.531.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 5.275.147 đồng, nợ lãi là 4.255.853 đồng. Sau đó, bà PTT cố tình né tránh việc trả nợ mặc dù đã được CT TC TNHH HD S nhắc nhở nhiều lần.

Do bà PTT vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên CT TC TNHH HD S đề nghị Tòa án buộc bà PTT phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 2W016637007 ngày 26/02/2020 với số tiền tổng cộng là 40.462.937 đồng (trong đó: nợ gốc là 34.724.853 đồng, nợ lãi là 5.738.084 đồng). Ngoài ra, bà PTT còn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày CT TC TNHH HD S có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bị đơn bà PTT mặc dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai tại tòa. Cụ thể Tòa án đã tổng đạt các văn bản sau đây: Ngày 31/03/2023, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo thụ lý số 66/TB-TLVA và đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý này cho bà PTT nhưng sau 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý bà PTT vẫn không có ý kiến gì. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà PTT đến Tòa án để lấy lời khai, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng PTT đều vắng mặt không có lý do. Do đó trong hồ sơ vụ án không có lời trình bày của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông ĐTP có mặt, đồng thời xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đề nghị bị đơn bà PTT phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 2W016637007 ngày 26/02/2020 với số tiền tổng cộng là 40.462.937 đồng (trong đó: nợ gốc là 34.724.853 đồng, nợ lãi là 5.738.084 đồng). Ngoài ra, bà PTT còn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày CT TC TNHH HD S có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bị đơn bà PTT vắng mặt nên không có lời trình bày tại tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định tại các Điều 170, Điều 171 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thực hiện đúng về thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tiến hành theo đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy

định tại Điều 220; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ nguyên tắc xét xử về phiên tòa sơ thẩm được quy định tại Điều 222, Điều 223 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Theo Hợp đồng tín dụng của CT TC TNHH HD S với bà PTT thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở vì bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 2W016637007 ngày 26/02/2020. Tại bản tự khai, nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp. Từ khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập bị đơn nhưng hết hạn thông báo mà bị đơn vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp:

Xét, CT TC TNHH HD S khởi kiện yêu cầu bà PTT có nghĩa vụ thanh toán số nợ còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 2W016637007 ngày 26/02/2020 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Như vậy, có cơ sở xác định đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ kết quả xác minh của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công an Phường 10, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung thể hiện “Bà PTT, sinh năm 1967 có hộ khẩu thường trú tại 148/7 TĐ, Phường A, Quận X, Thành phố HCM nhưng không thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Nhà bán năm 2002 đi đâu không rõ”.

Xét, tại thời điểm giao kết hợp đồng tín dụng, bà PTT có địa chỉ nơi cư trú tại 148/7 TD, Phường A, Quận X, Thành phố HCM. Căn cứ Đơn tường trình của nguyên đơn thì CT TC TNHH HD S không biết địa chỉ nào khác của bà PTT, ngoại trừ địa chỉ được thể hiện tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Như vậy, địa chỉ 148/7 TD, Phường A, Quận X, Thành phố HCM được xác định là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bà PTT. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cố tình giấu địa chỉ không báo cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện như quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện:

Xét, ngày 26/02/2020, bà PTT có ký Hợp đồng tín dụng số 2W016637007 với CT TC TNHH HD S để vay số tiền 40.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà PTT đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được CT TC TNHH HD S nhắc nhở nhiều lần. Ngày 02/11/2022, CT TC TNHH HD S đã nộp đơn khởi kiện và đã được Tòa án cấp Giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện. Do đó, vụ án dân sự vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

1.4. Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện được việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà PTT tại địa chỉ nơi cư trú nhưng bà PTT không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không nộp bất cứ tài liệu chứng cứ nào liên quan đến vụ án. Ngày 09/06/2023, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ như Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/QĐXXST-DS và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 03/07/2023 đối với bà PTT nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành xét xử vụ án được. Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông ĐTP có mặt, bị đơn bà PTT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai có mặt tại phiên tòa vào ngày 28/07/2023 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt bà PTT.

[2]. Về pháp luật nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của CT TC TNHH HD S về việc buộc bà PTT phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 2W016637007 ngày 26/02/2020 với số tiền tổng cộng là 40.462.937 đồng (trong đó: nợ gốc là 34.724.853 đồng, nợ lãi là 5.738.084 đồng).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của nguyên đơn CT TC TNHH HD S thì có cơ sở khẳng định: Vào ngày 26/02/2020, bà PTT có ký đơn đề nghị cấp tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử số 2W016637007 với CT TC TNHH HD S để vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích vay là mua xe gắn máy nhãn hiệu Honda Vario, biển số 59C3-117.78, số khung 5114KK487007, số máy JM51E-1486671. Căn cứ thu nhập của bà PTT, CT TC TNHH HD S đã đồng ý duyệt cấp vốn. Cùng ngày 26/02/2020, CT TC TNHH HD S và bà PTT ký kết Hợp đồng tín dụng số 2W016637007 với nội dung như sau: Khoản cấp vốn: 40.000.000 đồng; thời hạn vay là 24 tháng; lãi suất thực tế hàng tháng là 2,42%. Phương thức thanh toán như sau: 23 tháng đầu mỗi tháng thanh toán 2.394.642 đồng, riêng tháng cuối cùng thanh toán 2.250.633 đồng. Kỳ thanh toán đầu tiên vào ngày 25/03/2020 và kỳ thanh toán cuối cùng là ngày 25/02/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà PTT đã thanh toán tổng cộng 9.531.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 5.275.147 đồng, nợ lãi là 4.255.853 đồng. Sau đó, bà PTT cố tình né tránh việc trả nợ mặc dù đã được CT TC TNHH HD S nhắc nhở nhiều lần. Do bà PTT vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên CT TC TNHH HD S đề nghị Tòa án buộc bà PTT phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 2W016637007 ngày 26/02/2020 là 34.724.853 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của CT TC TNHH HD S về việc buộc bà PTT phải có trách nhiệm thanh toán số nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 2W016637007 ngày 26/02/2020 là 5.738.084 đồng.

Xét, đây là tranh chấp giữa cá nhân với tổ chức tín dụng nên Tòa án áp dụng lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng để giải quyết. Căn cứ vào sự thỏa thuận của hai bên đương sự được ghi nhận tại Hợp đồng tín dụng số 2W016637007 ngày 26/02/2020 thì bà PTT còn phải thanh toán cho CT TC TNHH HD S số tiền nợ lãi tính đến ngày 28/07/2023 là 5.738.084 đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.5. Xét việc thế chấp tài sản của bà PTT tại CT TC TNHH HD S:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của CT TC TNHH HD S là ông ĐTP trình bày: Bà PTT có thế chấp tài sản là xe gắn máy nhãn hiệu Honda Vario, biển số 59C3-117.78, số khung 5114KK487007, số máy JM51E-1486671 cho nguyên đơn. Tuy nhiên, ngân hàng chỉ khởi kiện yêu cầu bà PTT có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu, đồng thời xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với việc thế chấp tài sản của bà PTT tại CT TC TNHH HD S. Trong trường hợp cần thiết thì nguyên đơn sẽ khởi kiện tranh chấp Hợp đồng thế chấp bằng vụ án dân sự khác.

Về vấn đề này, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với việc thế chấp tài sản của bà PTT tại CT TC TNHH HD S.

2.6. Về thời hạn thanh toán:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định: Bà PTT đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng tín dụng và nguyên đơn cũng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình tránh né thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017 quy định về thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: “Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận”. Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định mặc dù đã được nguyên đơn CT TC TNHH HD S đã đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn bà PTT vẫn cố tình né tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ còn thiếu ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên

đơn; Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

- Căn cứ vào Luật các Tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2011;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà PTT có trách nhiệm thanh toán cho CT TC TNHH HD S số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/07/2023 của Hợp đồng tín dụng số 2W016637007 ngày 26/02/2020 với số tiền tổng cộng là 40.462.937 đồng (trong đó: nợ gốc là 34.724.853 đồng, nợ lãi là 5.738.084 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà PTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.023.147 đồng (hai triệu không trăm hai mươi ba nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng).

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 1.012.000 đồng (một triệu không trăm mười hai nghìn đồng) cho CT TC TNHH HD S đã nộp theo biên lai số AA/2022/0017644 ngày 03/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Đoàn Thanh Trúc